

Bản án số: 68/2023/HS-PT
Ngày: 05-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng; ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 51/2023/TLPT-HS ngày 30 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo **Nguyễn Hùng N** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2023/HS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Hùng N**, sinh năm 1977 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn T** và bà **Lê Thị C**; vợ **Đoàn Thị L**, có một người con, sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Luật sư **Huỳnh Minh T1**; Ông Luật sư **Nguyễn Văn T2** – Đoàn luật sư tỉnh B, có mặt;

- Người làm chứng: **Nguyễn Thị Trúc K**, sinh năm 1979; **Lê Thị T3**, sinh năm 1940; Cùng cư trú: **ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre**, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông **Lê Văn L1** là cậu ruột của **Nguyễn Hùng N**. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 19/3/2020, **N** điều khiển xe mô tô ba bánh biển số 71B2-133.38 đi từ **chợ C1, xã T** về nhà em ruột của **N** là bà **Nguyễn Thị Trúc K**, tại **ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre** để gửi xe ba bánh. Trên đường về đến chân **cầu B**, **N** gặp ông **L1** đang điều khiển xe mô tô biển số 71F9-1628 đi theo hướng ngược lại với **N**, **N** cho rằng ông

L1 phun nước bọt về hướng mình để khiêu khích nên **N** tức giận. Sau khi vào nhà bà **K** gửi xe, **N** ra bên hông nhà bà **K** để nghỉ ngơi. Khoảng 15 phút sau, **N** thấy ông **L1** điều khiển xe mô tô đi từ chợ Cái Mít hướng về đến chân cầu **B** và cho rằng ông **L1** đang chửi mình nên **N** nảy sinh ý định đánh ông **L1**. **N** đi nhanh ra bồn hoa nhà bà **K** lấy một đoạn gỗ tre dùng làm bờ rào bồn hoa rồi đi ra phía lộ bê tông, đứng bên lề phải theo hướng lưu thông của ông **L1**, lúc ông **L1** điều khiển xe mô tô chạy ngang qua vị trí của **N** đứng, **N** dùng tay phải cầm đoạn gỗ tre xông ra đánh một cái trúng vào mu bàn tay phải của ông **L1** gây thương tích. Đánh xong, **N** ném đoạn gỗ tre xuống kênh **B**. Sau đó, **N** điều khiển xe mô tô biển số 71B1-345.75 về nhà, ông **L1** được gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện **D**, tỉnh Bến Tre.

Đối với đoạn gỗ tre **N** dùng để đánh ông **L1**, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được. Ngày 03/8/2020, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của bà **Nguyễn Thị Trúc K**: 01(một) đoạn gỗ tre dài 100cm, đường kính 02cm, trọng lượng 0,2kg, trên thân gỗ tre có 04 mắt nhánh tre, đoạn gỗ tre màu vàng nhạt, cứng, chắc, có đặc điểm tương đồng với đoạn gỗ tre mà **N** gây thương tích cho ông **L1** (đây là đoạn gỗ còn lại tại bồn hoa nhà bà **K**).

Hiện trường vụ án xảy ra trên lộ bê tông ấp Hưng An B trước quán nước của bà **Nguyễn Thị Trúc K** tại ấp **H**, xã **T**, huyện **G**, tỉnh Bến Tre; vị trí nơi **N** lấy 01 đoạn gỗ tre tại bồn hoa phía trước quán nước của bà **K** đến vị trí **N** đánh ông **L1** là 6,4 mét. Hiện trường cụ thể nơi **N** dùng đoạn gỗ tre gây thương tích cho ông **L1** là trên lộ bê tông ấp **H**, cách quán nước bà **K** 8,3 mét, cách lề phải theo hướng lưu thông của ông **L1** là 0,7 mét.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 106-520/TgT ngày 20/5/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh **B** kết luận thương tích **Lê Văn L1** như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Hai vết thương trên nền sưng nề mu bàn tay phải mỗi vết dài 0,5cm. Xquang bàn tay phải: Gãy hở xương bàn ngón IV; gãy kín xương bàn ngón III, V bàn tay phải. Điều trị bảo tồn: Hiện: Xương lành; hai sẹo mỗi vết kích thước 01cm x 0,1cm; 01cm x 0,1cm; ngón III, IV, V gấp duỗi còn hạn chế.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 18% .

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích (giám định lại lần 1) số 5326/C09B ngày 25/5/2021 của Phân Viện Khoa học hình sự tại **TP** ., kết luận thương tích **Lê Văn L1** như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: 02 sẹo mu bàn tay phải; gãy xương bàn III, IV, V tay phải.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của **Lê Văn L1**: Đối chiếu với Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ **Y**, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông **Lê Văn L1** như sau: 02 sẹo mu bàn tay phải: mỗi sẹo 01% (**C**, Mục I.1); Gãy xương bàn

III, IV, V tay phải 16% (C, Mục V.4.3). Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể, xác định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định của ông Lê Văn L1 là 18%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích (giám định lại lần 2) số 109/21/TgT ngày 02/12/2021 của P tại TP., kết luận thương tích Lê Văn L1 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: hai sẹo kích thước nhỏ vùng mu bàn tay phải; Gãy xương bàn ngón III, IV tay phải không ảnh hưởng chức năng bàn tay phải.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Văn L1: căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Lê Văn L1 là 12% (mười hai phần trăm) theo nguyên tắc cộng tại Thông tư.

Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra Lê Văn L1 yêu cầu Nguyễn Hùng N bồi thường: chi phí cứu chữa 1.917.208 đồng (chi phí điều trị 1.567.208 đồng, tiền thuê phương tiện để đi điều trị 350.000 đồng); khoản mất thu nhập của bị hại trong thời gian điều trị và phục hồi sức khỏe là 42.000.000 đồng; khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 9.600.000 đồng, tổng cộng với số tiền là 53.517.208 đồng. Ngày 17/5/2022, N và ông L1 đã thỏa thuận được với nhau về khoản theo yêu cầu của ông L1, N đồng ý bồi thường các khoản theo yêu cầu của ông L1 với tổng số tiền 53.517.208 đồng, hiện tại N đã bồi thường được cho ông L1 số tiền là 31.917.208 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2022/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Hùng N phạm “Tội cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 31/8/2022, bị cáo Nguyễn Hùng N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 151/2022/HS-PT ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định huỷ Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2022/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án về cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre để điều tra lại vụ án theo thủ tục chung.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2023/HS-ST ngày 25/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Hùng N

phạm “Tội cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hùng N** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01/6/2023, bị cáo **Nguyễn Hùng N** kháng cáo không đồng ý việc áp dụng hai tình tiết định khung “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ” đối với bị cáo và yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Hùng N** 01 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận:

- Luật sư **Huỳnh Minh T1**: không có căn cứ để xác định đoạn tre mà bị cáo sử dụng để đánh ông **L1** là hung khí nguy hiểm. Do ông **L1** trước đó chửi, móc mắt bị cáo xuất phát từ việc tranh chấp ranh đất làm cho bị cáo tức giận, cộng hưởng với ngày xảy ra vụ án do ông **L1** phun nước bọt trúng vào người bị cáo nên bị cáo dùng đoạn tre đánh một cái trúng tay ông **L1** nên cũng không có căn cứ để xác định bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ. Bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình có công với đất nước, là lao động chính trong gia đình, đã bồi thường một phần thiệt hại. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

- Luật sư **Nguyễn Văn T2**: cáo trạng và bản án lần trước chỉ cáo buộc bị cáo phạm tội có một tình tiết định khung “Sử dụng hung khí nguy hiểm”. Khi huỷ án về cấp sơ thẩm để điều tra xét xử lại thì Tòa án cấp sơ thẩm lại xử phạt bị cáo 01 năm tù là chưa phù hợp. Vì lần xét xử trước Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo 06 tháng tù trong khi cơ quan tiến hành tố tụng không thu được đoạn tre mà bị cáo sử dụng để gây án nên không có cơ sở xác định bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm. Bị cáo hiện đang điều trị rất nhiều bệnh nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ để bị cáo ở ngoài điều trị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: **Nguyễn Hùng N** là cháu gọi ông **Lê Văn L1** là cậu ruột. Tuy giữa bị cáo và bị hại đã từng xảy ra mâu thuẫn đến mức gây thương tích cho nhau vào ngày 11 tháng 10 năm 2018. Nhưng sự việc xảy ra đã lâu và đã được chính quyền địa phương hoà giải xong, hai bên không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Tuy nhiên, vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 19/3/2020, tại **ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre**, **N** đã có hành vi sử dụng đoạn gỗ tre là hung khí nguy hiểm đánh vào mu bàn tay phải của ông **L1** gây thương tích cho ông **L1** với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 12%. Mặc dù tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại chưa đến 31%, song bị cáo đã phạm tội có tính chất côn đồ và sử dụng hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho bị hại. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định ở điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận đã dùng một đoạn gỗ tre cắm tại bồn hoa phía trước quán của bà **Nguyễn Thị Trúc K**, gây thương tích trên tay phải của ông **Lê Văn L1** với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 12%. Tuy nhiên, bị cáo không đồng ý với việc áp dụng hai tình tiết định khung “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Thấy rằng, đối với một đoạn gỗ tre mà bị cáo sử dụng để gây thương tích cho bị hại tuy không thu hồi được nhưng theo trình bày của bị cáo thì bị cáo lấy đoạn gỗ tre được cắm từ bồn hoa của bà **K**, quá trình thu thập vật chứng cùng loại thì phía bà **K** cũng cho rằng các đoạn gỗ tre cắm tại bồn hoa là lấy từ một bụi tương đồng được cắt ra làm nhiều đoạn và cắm cùng thời điểm. Mặt khác căn cứ vào kết luận giám định đối với đoạn gỗ tre cùng loại thì có thể dẫn đến

vết thương như giám định đối với bị hại và cũng chính lời khai của bị cáo cho rằng khi dùng đoạn gỗ tác động vào mu bàn tay phải của bị hại, lúc này bàn tay phải của bị hại đang chịu lực từ tay cầm xe mô tô trong lúc đang di chuyển gây thương tích cho bị hại nhưng đoạn gỗ vẫn không bị gãy. Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở khẳng định đoạn gỗ tre mà bị cáo dùng để gây thương tích cho bị hại là vật cứng, rắn chắc nếu tác động vào bất cứ vị trí nào trên cơ thể con người đều có khả năng gây tổn hại đến sức khỏe, tính mạng của người bị tấn công và hậu quả đã gây thương tích trên tay của ông L1 với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 12%. Do đó, đoạn gỗ tre mà bị cáo sử dụng gây thương tích cho bị hại được xác định là hung khí nguy hiểm. Tuy giữa bị cáo và bị hại trước đó đã có mâu thuẫn nguyên nhân xuất phát từ tranh chấp ranh đất, nhưng sự việc xảy ra đã lâu và đã được chính quyền địa phương hoà giải xong, hai bên không yêu cầu xử lý. Đến trước thời điểm bị cáo gây thương tích cho bị hại thì bị hại không có lời nói, hành động gì có lỗi đối với bị cáo. Hành vi của bị cáo chỉ vì một sự việc nhỏ nhặt, xảy ra đã lâu và sự việc này liên quan đến mối quan hệ ruột thịt trong gia đình nhưng bị cáo đã muốn giải quyết bằng vũ lực, đã dùng đoạn gỗ tre là hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích cho ông L1, điều đó thể hiện bản tính ngang ngược, xem thường tính mạng sức khỏe của người khác, nên hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện bản tính côn đồ. Vì vậy, bản án sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm vào tình tiết định khung “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu của bị cáo đề nghị xem xét bị cáo không phạm vào tình tiết định khung “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ” là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b và s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng để xử phạt bị cáo 01 năm tù là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra. Đồng thời đã có xem xét đến hành vi của bị cáo, mặc dù mâu thuẫn giữa bị cáo và bị hại là không lớn nhưng bị cáo đã sử dụng hung khí nguy hiểm, phạm tội có tính chất côn đồ, thể hiện ý thức xem thường sức khỏe, tính mạng của người khác, tỏ rõ thái độ xem thường pháp luật nên không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật. Mặc khác, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là dưới mức thấp nhất của khung

hình phạt mà điều luật quy định là đã có xem xét chiều cố đáng kể khi quyết định hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nộp các đơn thuốc và giấy ra viện thể hiện bị cáo bị bệnh tăng huyết áp, đau thắt ngực, thoái hoá cột sống, đái tháo đường, tăng lipid máu, trào ngược dạ dày. Song mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi và hậu quả của vụ án nên không có cơ sở để xem xét cho bị cáo hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo và đề nghị của người bào chữa mà giữ nguyên hình phạt tù để bị cáo thi hành mới đủ sức giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã cân nhắc tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả của tội phạm nên đã đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích” là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hùng N** 01 (một) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Hùng N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (3b);
- Công an và VKSND huyện Giồng Trôm (2b);
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm (1b);
- UBND xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm (1b);
- Bị cáo (01b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

Bùi Quang Sơn